

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 30-8-2018

"V/v tranh chấp: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 250/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ph, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn 1 (nay là thôn B), xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn 1 (nay là thôn B), xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau với nhau từ năm 1998. Đến năm 2012 thì tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41, ký ngày 21 tháng 5 năm 2012. Sau thời gian chung sống thì chị và anh Nguyễn Văn Th phát sinh mâu thuẫn, do anh Nguyễn Văn Th không lo chí thú làm ăn, thường xuyên say xỉn, không quan tâm chăm sóc vợ con mà còn đánh đập chị vô cớ. Việc này xảy ra từ năm 2005 nhưng vì thương con nên chị tha thứ cho anh Nguyễn Văn Th. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn Th không thay đổi mà ngày càng bỏ mặc công việc gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn, đập phá đồ đạc trong nhà làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã ảnh hưởng đến con cái. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng hơn khi anh Nguyễn Văn Th bắt ép chị làm đơn ly hôn. Hiện nay chị và anh Nguyễn Văn Th vẫn chung sống một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay chị không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn Th, việc tiếp tục chung sống không mang lại hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Th có 02 con chung tên là Nguyễn Chí Tr sinh năm 1999 và Nguyễn Thị Thu Th sinh năm 2011. Sau khi giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu Th.

Yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thu Th là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thu Th thành niên. Tại phiên tòa, chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Chí Tr đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Văn Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị Phạm Thị P về thời gian chung sống, về việc đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn của vợ chồng. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Ph, anh không đồng ý do anh còn yêu thương vợ con và anh cam kết sẽ thay đổi bản thân.

Về nuôi con chung: Anh thống nhất với lời khai của chị Phạm Thị P về con chung. Sau khi giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu Th, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Nguyễn Chí Tr đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Phạm Thị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ph.

Về nuôi con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Thị Thu Th sinh năm 2011 cho chị Phạm Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Phạm Thị P tự nguyện xin rút yêu cầu giải quyết cấp dưỡng, anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Chí Tr đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc nguyên đơn chị Phạm Thị P nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (bản photo); Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Chí Tr và Nguyễn Thị Thu Th (bản photo); Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 7 năm 2018 của nguyên đơn Phạm Thị Ph; Biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 8 năm 2018 của bị đơn Nguyễn Văn Th; Biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 7 năm 2018 và bản tự khai ngày 09 tháng 7 năm 2018 của con chung; Biên bản đối chất ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất: Về thời gian chung sống; Việc đăng ký kết hôn; Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn; Nguyên đơn và bị đơn không thống nhất về việc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu Th;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Th (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 21 tháng 5 năm 2012. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Th là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Chị Phạm Thị P khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị thường xuyên cãi nhau, thậm chí xô xát với nhau. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn Th thường xuyên say xỉn, không lo làm ăn phát triển kinh tế. Trong công việc gia đình cũng như nuôi dạy con cái ăn học anh Nguyễn Văn Th không có sự chia sẻ, giúp đỡ chị Phạm Thị P. Chị Phạm Thị P đã nhiều lần cho anh Nguyễn Văn Th cơ hội để sửa chữa nhưng anh Nguyễn Văn Th vẫn không thay đổi. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải (bút lục số 23, 31) anh Nguyễn Văn Th nhất trí với toàn bộ lời khai của chị Phạm Thị P nhưng anh Nguyễn Văn Th đã nhận ra sai lầm của mình, bản thân còn yêu thương vợ con nên mong muốn được đoàn tụ. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và Điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Văn Th vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh Nguyễn Văn Th thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh thường xuyên say xỉn, không lo làm ăn phát triển kinh tế. Vợ chồng anh đã được ban quản lý thôn hòa giải và trong khoảng thời gian chị Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn cho đến nay anh Nguyễn Văn Th vẫn thường xuyên say xỉn, không thay đổi bản thân để xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Chị Phạm Thị P không còn niềm tin và tình cảm với anh Nguyễn Văn Th, việc tiếp tục chung sống

không mang lại hạnh phúc. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Phạm Thị P.

[4] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Th khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thu Th sinh ngày 20-9-2011 và Nguyễn Chí Tr sinh ngày 07-5-1999. Lời khai của chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Th phù hợp với giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Thị Thu Th và Nguyễn Chí Tr đã được giao nộp hợp pháp. Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”, “Con sinh ra trước ngày đăng ký kết hôn và được cha mẹ thừa nhận là con chung của vợ chồng”* nên có đủ cơ sở xác định Nguyễn Thị Thu Th và Nguyễn Chí Tr là con chung của chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Th.

Đối với yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị P đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thu Th. Xét cháu Nguyễn Thị Thu Th mới 07 tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Bản thân chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Th đều có công việc, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Th đều thừa nhận trong khoảng thời gian chung sống anh Nguyễn Văn Th không phụ giúp chị Phạm Thị P trong việc chăm sóc con chung, không phụ cấp tiền cho con chung ăn học và các nhu cầu thiết yếu khác (bút lục số 25). Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Thị Thu Th có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng (bút lục số 21). Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Nguyễn Thị Thu Thủy theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu Nguyễn Thị Thu Th cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Chí Tr sinh ngày 07-5-1999 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Phạm Thị P xin rút yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thị Thu Th. Việc rút yêu cầu của chị Phạm Thị P là tự nguyện, anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thu Th.

[6] Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị P không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Phạm Thị P phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị P đối với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu Th sinh ngày 20-9-2011 cho chị Phạm Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Chí Tr sinh ngày 07 tháng 5 năm 1999 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Th, chị Phạm Thị P không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị P phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022106 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30-8-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h.Bù Đ;
- Chi cục THADS h.Bù Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh